

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 22/2024/DS-PT

Ngày: 31/01/2024

V/v: “Tranh chấp chia tài sản chung,
chia tài sản thừa kế”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Ông Đỗ Thế Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Tuyết Nhung - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Thân Thanh Huyền -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 và 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 22/2023/TLPT-DS ngày 03/11/2023 về “Tranh chấp chia tài sản chung, chia tài sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2023/QĐ-PT ngày 04/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vương Huy Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố Đ, phường AB, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Văn X - Công ty Luật TNHH MTV TL, chi nhánh BN, đoàn Luật sư Hà Nội; địa chỉ: Số 123, đường NTT, phường SH, thành phố Bắc Ninh. Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hoàng Thúy H – Công ty Luật TNHH MTV Thành Long – Chi nhánh Bắc Ninh đoàn Luật sư Hà Nội; địa chỉ: Số 123, đường NGT, phường SH, thành phố Bắc Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Vương Thị H, sinh năm 1981 và anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1980, do chị Vương Thị H đại diện; địa chỉ: Khu phố Đ, phường AB, thị xã Thuận THnh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958. Có mặt;
2. Anh Vương Huy N, sinh năm 1987. Có mặt;
3. Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Anh Vương Huy N, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Khu phố Đ, phường AB, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

4. Chị Vương Thị P, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố CDC, phường H, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985;

Người đại diện theo ủy quyền của của chị H: Anh Vương Huy Q, sinh năm 1984. Có mặt;

6. Bà Vương Thị C, sinh năm 1953
7. Ông Vương Huy L, sinh năm 1958
8. Bà Vương Thị L, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Khu phố Đ, phường AB, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh.

9. Bà Vương Thị Hồng, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu khố Giữa, phường An Bình, thị xã Thuận THnh, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, ông L, bà L, bà Hồng: Anh Trần Tuấn Linh, sinh năm 1999; địa chỉ: Khu 2, phường Suối Hoa, tHnh phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Người kháng cáo: Anh Vương Huy Q, ông Vũ Văn X, bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là anh Vương Huy Q trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 121, tờ bản đồ 01, diện tích 368,5m² tại khu phố Đường, phường An Bình, thị xã Thuận THnh (*viết tắt là* thửa đất số 121) là của cha ông để lại cho bố anh là Vương Huy Thông. Trên đất có xây một ngôi nH 2 tầng 1 tum do mẹ anh và vợ cH xây năm 2010. Hiện nay nH đất này do mẹ anh và vợ cH anh đang sử dụng.

Nguồn gốc thửa đất số 349, tờ bản đồ 01, diện tích 362,1m² tại khu phố Đ, phường AB, thị xã Thuận Thành (*viết tắt là* thửa đất số 349) là do bố mẹ anh mua

của HTX thôn Đường từ năm 1995. Hai thửa đất trên đã được đã được UBND huyện Thuận THnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*) ngày 23/12/1998 cho hộ ông Vương Huy Thông. Thời điểm cấp GCNQSDĐ gia đình anh có 8 tHnh viên, gồm: Cụ Vương Huy Hoa, sinh năm 1924; cụ Nguyễn Thị Q, sinh năm 1927; ông Vương Huy Thông, sinh năm 1955; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; chị Vương Thị H, sinh năm 1981; anh Vương Huy Q, sinh năm 1984; anh Vương Huy N, sinh năm 1987; chị Vương Thị Phương, sinh năm 1990.

Bố anh là Vương Huy Thông, mẹ anh là Nguyễn Thị H sinh được 04 người con gồm: Vương Thị H, Vương Huy Q, Vương Huy N và Vương Thị Phương. Bố mẹ anh không có con nuôi.

Cụ Hoa và cụ Q sinh được 5 người con gồm: Bà Vương Thị C, sinh năm 1953; ông Vương Huy Thông; ông Vương Huy L, sinh năm 1958; bà Vương Thị H, sinh năm 1962 và bà Vương Thị L, sinh năm 1965.

Ngày 06/01/2003 ông Thông chết, ngày 13/3/2009 cụ Hoa chết, ngày 22/6/2018 cụ Q chết, đều không để lại di chúc.

Đối với thửa đất số 349: Năm 2010 vợ cH anh S, chị H hỏi mượn mẹ anh một phần đất có diện tích $5m \times 20m = 100m^2$ trong tổng số $362,1m^2$ để làm xưởng sản xuất nhôm kính. Việc hỏi mượn bằng miệng, không có giấy tờ. Vợ cH anh S đã làm 01 lán xây gạch, lợp tôn trên toàn bộ $100m^2$ đất từ năm 2010 và đã sử dụng kinh doanh cho đến nay. Phần còn lại $262,1m^2$ em trai anh là anh N đã xây một ngôi nH 3 tầng và làm 01 xưởng sản xuất đồ gỗ.

Nay anh xác định thửa đất số 349 là tài sản chung của cả gia đình gồm: ông bà nội anh, bố mẹ anh và 4 chị em anh. Anh yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số 349 theo quy định của pháp luật.

Anh yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản của bố anh và ông bà nội anh được hưởng theo pháp luật.

Bị đơn là chị Vương Thị H trình bày: Chị thừa nhận thửa đất số 121 là của cha ông để lại cho bố chị là Vương Huy Thông; thửa đất số 349 là do bố mẹ chị mua của thôn Đường từ năm 1995. Đã được UBND huyện Thuận THnh cấp GCNQSDĐ ngày 23/12/1998 cho gia đình chị, thời điểm cấp GCNQSDĐ gia đình chị có 8 tHnh viên như anh Q trình bày là đúng.

Chị cũng thừa nhận quan hệ huyết thống của gia đình, thời điểm ông bà nội và bố chị chết như anh Q trình bày là đúng.

Đối với thửa đất số 121: Năm 2010 mẹ chị có xây một ngôi nH 2 tầng 1 tum chống nóng trên đất. Tiền xây nH là do mẹ chị bán cho chị 100m² của thửa số 349. Hiện nH đất này do mẹ chị và vợ cH anh Q đang sử dụng.

Đối với thửa đất số 349: Trước đây là ruộng, ngày 30/01/2010 (âm lịch) mẹ chị có bán cho vợ cH chị 100m² trong tổng số 362,1m² với giá 300.000.000đ để lấy tiền xây ngôi nH 2 tầng trên thửa đất số 121. Việc mua bán có giấy viết tay. Trước khi mua đất thì chị đã hỏi các tHnh viên trong gia đình và đều đồng ý bán thì chị mới mua. Chị có đưa mẹ chị số tiền 300.000.000đ (gồm 150.000.000đ tiền mặt và tiền chị trả nguyên vật liệu làm nH cho mẹ chị khoảng 150.000.000đ) để mẹ chị lấy tiền xây ngôi nH 2 tầng trên thửa đất số 121.

Vợ cH chị nhận đất và đổ đất tân nền. Cũng trong năm 2010 vợ cH chị làm xưởng xây gạch, lợp tôn trên toàn bộ diện tích 100m² để làm cửa Hng khung nhôm kính và sử dụng kinh doanh ổn định từ năm 2010 cho đến nay. Phần còn lại 262,1m² em trai chị là Vương Huy N đã xây ngôi nH 3 tầng và làm xưởng sản xuất đồ gỗ.

Nay anh Q yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số 349 và yêu cầu chia tài sản thừa kế phần tài sản của bố chị và ông bà nội chị được hưởng thì chị cũng đồng ý và đề N Tòa án giải quyết theo pháp luật. Chị đề N được nhận bằng hiện vật.

Ngày 01/12/2022 chị có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án chia tài sản chung đối với thửa đất số 121 và yêu cầu chia thừa kế phần tài sản của bố chị và ông bà nội chị để lại theo pháp luật.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng 100m² đất viết tay ngày 30/01/2010 giữa mẹ chị và chị thì chị không yêu cầu, đề N gì. Số tiền 300.000.000đ chị đưa cho mẹ chị để mua đất chị cũng không có yêu cầu, đề N gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trình bày:

1. Bà Nguyễn Thị H trình bày: Thửa đất số 121 là của cha ông để lại cho vợ cH bà; thửa đất số 349 là do vợ cH bà mua của Ban quản lý HTX thôn Đường từ năm 1995. Đã được UBND huyện Thuận THnh cấp GCNQSDĐ ngày 23/12/1998 cho gia đình bà. Thời điểm cấp GCNQSDĐ gia đình bà có 8 tHnh viên như anh Q, chị H trình bày là đúng.

Đối với thửa đất số 349: Ngày 30/01/2010 (âm lịch) bà có bán 100m² đất trong tổng số 362,1m² cho vợ cH chị H với giá 300.000.000đ để lấy tiền xây ngôi nH 2 tầng trên thửa 121, việc mua bán có giấy tờ viết tay. Trước khi bán bà cũng hỏi từng tHnh viên trong gia đình và đều đồng ý nên bà mới bán. Chị H đưa cho bà 150.000.000đ tiền mặt, việc đưa tiền có viết giấy tờ, còn lại mỗi lúc chị H lại trả tiền nguyên vật liệu làm nH cho bà khoảng 150.000.000đ. Vợ cH chị H nhận đất

luôn và đã đổ đất tân nền, làm xưởng lợp tôn để làm cửa Hng khung nhôm kính và sử dụng kinh doanh cho đến nay. Phần còn lại 262,1m² bà cho con trai là N sử dụng, anh N đã xây nh 3 tầng và làm xưởng sản xuất đồ gỗ.

Nay anh Q yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số 349 và chia tài sản thừa kế của cH bà và bố mẹ cH bà thì bà không đồng ý vì thửa đất số 349 là của vợ cH bà.

Chị H có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số 121 và yêu cầu chia tài sản thừa kế của cH bà và bố mẹ cH bà thì bà đề N Tòa án giải quyết theo pháp luật.

2. Chị Vương Thị P: Đồng ý với phần trình bày của bà H.

Nay anh Q yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số 349 và yêu cầu chia tài sản thừa kế phần tài sản của bố chị và ông bà nội chị thì chị không đồng ý vì đó là đất của bố mẹ chị mua, các cô chú không có đóng góp gì.

Chị H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung đối với thửa đất số 121 và yêu cầu chia tài sản thừa kế phần tài sản của bố chị và ông bà nội chị thì chị đề N Tòa án giải quyết theo pháp luật.

3. Anh Vương Huy N trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 349 như thế nào anh không rõ. Năm 2015 mẹ anh cho vợ cH anh ra ở ½ thửa đất số 349, vợ cH anh làm một nh lợp tôn để ở. Năm 2019-2020 vợ cH anh phá nh lợp tôn, xây ngôi nh 3 tầng trên đất, hiện nh đang hoàn thiện, tổng trị giá xây dựng hết khoảng 700 đến 800 triệu đồng.

Nay anh Q yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số 349 và yêu cầu chia tài sản thừa kế. Chị H yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số 121 và yêu cầu chia tài sản thừa kế thì anh đề N Tòa án giải quyết theo pháp luật.

4. Anh Trần Tuấn L đại diện theo ủy quyền của bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H và bà Vương Thị L cũng đồng ý với phần trình bày và yêu cầu của anh Vương Huy Q.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ các Điều 212, 213, 609, 611, 612, 613, 623, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 235, 264, 266, 147, 157 và 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; N quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

I. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Vương Huy Q.

1. Xác nhận tài sản chung của ông Vương Huy T, bà Nguyễn Thị H là thửa đất số 349, tờ bản đồ 01, diện tích 362,1m² tại khu phố Đường, phường An Bình, thị xã Thuận THnh trị giá là 5.431.500.000đ.

2. Trích trả một phần công bảo quản, duy trì, tân tạo thửa đất số 349 cho chị Vương Thị H và anh Vương Huy N mỗi người 10% giá trị thửa đất trị giá 543.150.000đ.

Thửa đất trị giá còn lại là 4.345.200.000đ.

3. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất ngày 05/01/2003. Hng thừa kế thứ nhất của ông Vương Huy T gồm: Cụ Vương Huy Hoa, cụ Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị H, chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P.

Chia di sản của ông Vương Huy T theo pháp luật cho cụ Vương Huy Hoa, cụ Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị H, chị Vương Thị H, anh là Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P mỗi kỹ phần được hưởng 310.371.000đ.

4. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ hai ngày 13/3/2009. Hng thừa kế thứ nhất của cụ Vương Huy Hoa gồm: Cụ Nguyễn Thị Q, bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L và những người thừa kế thế vị của ông Vương Huy T là chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P.

Chia di sản của cụ Vương Huy Hoa theo pháp luật cho cụ Nguyễn Thị Q, bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L và những người thừa kế thế vị của ông Vương Huy T là chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P mỗi kỹ phần được hưởng 51.729.000đ.

Chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P mỗi người được hưởng 12.932.000đ.

5. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ ba ngày 22/6/2018. Hng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Q gồm: Bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L và những người thừa kế thế vị của ông Vương Huy T là chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P.

Chia di sản của cụ Nguyễn Thị Q cho bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L và những người thừa kế thế vị của ông Vương Huy T là chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P mỗi kỹ phần được hưởng 72.420.000đ.

Chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P mỗi người được hưởng 18.105.000đ.

II. Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Vương Thị H.

1. Xác nhận tài sản chung của cụ Vương Huy Hoa, cụ Nguyễn Thị Q, ông Vương Huy T, bà Nguyễn Thị H, chị Vương Thị H là thửa đất số 121, tờ bản đồ

01, diện tích 368,5m² tại khu phố Đường, phường An Bình, thị xã Thuận Thành trị giá là 2.211.000.000đ.

Trích trả một phần công bảo quản, duy trì, tân tạo thửa đất cho bà Nguyễn Thị H 30% giá trị thửa đất trị giá 663.300.000đ. Thửa đất trị giá còn lại là 1.547.700.000đ. Mỗi người được hưởng 309.540.000đ.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất ngày 05/01/2003. Hng thừa kế thứ nhất của ông Vương Huy T gồm: Cụ Vương Huy Hoa, cụ Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị H, chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P.

Chia di sản của ông Vương Huy T theo pháp luật cho cụ Vương Huy Hoa, cụ Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị H, chị Vương Thị H, anh là Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P mỗi kỹ phần được hưởng 44.220.000đ.

3. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ hai ngày 13/3/2009. Xác định Hng thừa kế thứ nhất của cụ Vương Huy Hoa gồm: Cụ Nguyễn Thị Q, bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L và những người thừa kế thế vị của ông vương Huy T là chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P,

Chia di sản của cụ Vương Huy Hoa theo pháp luật cho cụ Nguyễn Thị Q, bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L và những người thừa kế thế vị của ông Vương Huy T là chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P mỗi kỹ phần được hưởng 58.960.000đ.

Chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P mỗi người được hưởng 14.740.000đ.

4. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ ba ngày 22/6/2018. Xác định Hng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Q gồm: Bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L và những người thừa kế thế vị của ông Vương Huy T là chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P.

Chia di sản của cụ Nguyễn Thị Q cho bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L và những người thừa kế thế vị của ông Vương Huy T là chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P mỗi kỹ phần được hưởng 82.544.000đ.

Chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P mỗi người được hưởng 20.636.000đ.

5. Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 121, tờ bản đồ 01, diện tích 368,5m² tại khu phố Đường, phường An Bình, thị xã Thuận Thành trị giá là 2.211.000.000đ.

6. Giao cho chị Vương Thị H được quyền sử dụng một phần thửa đất số 349, tờ bản đồ 01, diện tích 104,8m² trị giá 1.572.000.000đ. Chị Vương Thị H, anh Nguyễn Văn S được quyền sở hữu tài sản gồm: 01 ngôi nhà xây gạch lợp tôn diện tích 100,5m²; 01 nhà tắm đổ trần diện tích 16,8m² trên thửa đất có tứ cận: Phía Nam giáp đường L phường; phía Bắc giáp thửa 349; phía Đông giáp nhà anh N; phía Tây giáp đất anh Quỳnh tại khu phố Đường, phường An Bình, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Mốc D, D', 15, 12, 13, 14, 10, 11, D. Chị H phải có nghĩa vụ trích trả cho chị Vương Thị P số tiền 298.085.000đ.

7. Giao cho anh Vương Huy N được quyền sử dụng một phần thửa đất số 349, tờ bản đồ 01, diện tích 103,1m² trị giá 1.546.500.000đ. Anh Vương Huy N, chị Nguyễn Thanh T được quyền sở hữu tài sản gồm: 01 ngôi nhà 3 tầng xây trên diện tích 94,3m²; 01 lán lợp tôn diện tích 8,8m² đất có tứ cận: Phía Nam giáp đường L phường; phía Bắc giáp thửa 349; phía Đông giáp ngõ; phía Tây giáp nhà chị H tại khu phố Đường, phường An Bình, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Mốc D', C, 4, 5, 13, 12, 15, D'. Anh N phải có nghĩa vụ trích trả cho anh Vương Huy Q số tiền 421.004.000đ; trích trả cho chị Vương Thị P số tiền 122.919.000đ.

8. Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng một phần thửa đất số 349, tờ bản đồ 01, diện tích 157,9m² trị giá 2.368.500.000đ có tứ cận: Phía Nam giáp nhà anh N và nhà chị H; phía Bắc giáp ruộng; phía Đông giáp ngõ; phía Tây giáp đất anh Quỳnh tại khu phố Đường, phường An Bình, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và được quyền sở hữu 01 lán lợp tôn diện tích 90,6m² trên đất. Mốc 5, 6, 7, 8, 9, 10, 14, 13, 5 và A, B, 6, 7, 8.

Bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trích trả cho bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L mỗi người số tiền 265.653.000đ.

(có sơ đồ kèm theo là bộ phận không tách rời của bản án).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 19/9/2023 anh Vương Huy Q có đơn kháng cáo bản án.

Ngày 02/10/2023 ông Vũ Văn X là người đại diện theo ủy quyền của bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L có đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; N quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận kháng cáo của anh Vương Huy Q, ông Vũ Văn X; Sửa một phần bản án sơ thẩm số 28/2023/DSST ngày 22/9/2023 của TAND thị xã Thuận Thành.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vương Huy Q và yêu cầu phản tố của chị Vương Thị H.

- Xác định thửa đất số 121 và thửa đất số 349 là tài sản chung của cụ Hoa, cụ Q, ông T, bà H, chị H, anh Q, anh N, chị P.

- Xác định di sản thừa kế của ông T để lại có tổng giá trị là $(543.150.000đ + 193.462.000đ) = 736.612.000đ$ (đã làm tròn số).

Di sản thừa kế của cụ Hoa để lại có tổng giá trị là $(605.224.000đ + 212.808.000đ) = 818.032.000đ$ (đã làm tròn số).

Di sản thừa kế của cụ Q để lại có tổng giá trị là $(685.920.000đ + 237.636.000đ) = 923.556.000đ$ (đã làm tròn số).

- Giao cho anh Q được sử dụng toàn bộ thửa đất số 121 cùng tài sản trên đất. Anh Q có nghĩa vụ trích trả cho bà C, bà H, bà L mỗi người 321.050.000đ; trích trả ông L số tiền là 15.057.000đ.

- Giao cho chị H tiếp tục sử dụng phần diện tích đất là $104,8m^2$ của thửa số 349 cùng toàn bộ tài sản trên phần đất. Chị H có nghĩa vụ trích trả cho chị P số tiền 201.907.000đ.

- Giao cho anh N sử dụng phần diện tích đất là $103,1m^2$ của thửa số 349 cùng tài sản trên đất. Anh N có nghĩa vụ trích trả cho chị P số tiền 176.407.000đ.

- Giao cho bà H được sử dụng phần diện tích đất là $157,9m^2$ của thửa số 349 cùng tài sản trên. Bà H có nghĩa vụ trích trả cho ông L số tiền là 305.993.000đ; trích trả chị P số tiền 762.491.000đ.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà H, bà C, ông L, bà H do là người cao tuổi. Bà L, chị H, anh Q, anh N, chị P phải chịu án phí theo quy định.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Q, ông X không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Vương Huy Q, ông Vũ Văn X, bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Nội dung: Xét kháng cáo của ông Vũ Văn X, bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị L, bà Vương Thị H và anh Vương Huy Q, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Nguồn gốc đất: Các đương sự đều thừa nhận thửa đất số 349 có nguồn gốc là do vợ chồng ông T, bà H mua của thôn Đường, xã An Bình năm 1995; còn thửa đất số 121 là của cha ông để lại cho ông T. Ngày 23/12/1998 UBND huyện Thuận Thành đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ đất cho hộ ông Vương Huy T đối với cả 2 thửa đất. Tại đơn xin cấp đất do ông T là chủ hộ đã kê khai 8 thành viên trong hộ gia đình gồm: Cụ Hoa, cụ Q, ông T, bà H, chị H, anh Q, anh N, chị P. Vì vậy, mặc dù 02 thửa đất có nguồn gốc như trên nhưng ông T đã tự nguyện kê khai đăng ký số lượng thành viên trong hộ được sử dụng chung QSDĐ, nên cần xác định thửa đất số 121 và 349 là tài sản chung của 8 thành viên trên, cụ thể mỗi người có 1/8 QSDĐ của 2 thửa đất.

[2.2] Công sức quản lý, duy trì, phát triển các thửa đất:

Khi phân chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bà H có công sức bảo quản, duy trì thửa đất số 121 và trích trả cho bà 30% giá trị thửa đất; còn thửa đất số 349 có công sức quản lý, duy trì, tân tạo của chị H và anh N nên đã trích chia cho chị H và anh N mỗi người 10% giá trị thửa đất. Như vậy là chưa phù hợp, bởi lẽ cả 2 thửa đất là tài sản chung của hộ gia đình, các thành viên hiện đang quản lý, sử dụng tài sản của mình nên đều phải có trách nhiệm và nghĩa vụ chung. Do vậy việc đánh giá công sức quản lý, tân tạo (nếu có) chỉ được xác định đối với phần tài sản là di sản do ông T, cụ Hoa và cụ Q để lại, chứ không đánh giá công sức đối với toàn bộ thửa đất. Hơn nữa, trên thửa đất số 121, ngoài bà H còn có vợ chồng anh Q là người cùng sinh sống trên đất, có đóng góp công sức trong việc xây dựng các công trình trên đất, nhưng bản án không trích chia công sức cho anh Q là thiếu sót.

Vì vậy, công sức đóng góp cần được trích chia như sau: Đối với thửa đất số 121, bà H có công sức nhiều hơn anh Q nên trích chia cho bà H 20% giá trị di sản, anh Q được 10% giá trị di sản. Đối với thửa đất số 349, trích chia cho chị H và anh N, mỗi người được 10% giá trị di sản.

[2.3] Về nhu cầu sử dụng đất:

Bản án sơ thẩm đã giao cho bà H được tiếp tục sử dụng thửa đất số 121 và 157,9m² đất của thửa đất số 349, còn anh N và chị H mỗi người được sử dụng một phần diện tích của thửa số 349, trong khi anh Q là con trưởng, cháu trưởng, có nghĩa vụ thờ cúng tổ tiên và cũng có nhu cầu sử dụng đất, (vì ngoài chỗ ở này thì gia đình anh không có chỗ ở nào khác) thì không được phân chia về QSDĐ là không phù hợp.

Do vậy cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của anh Q về việc xác định tài sản chung đối với thửa đất số 121 và 349, đồng thời xác định lại di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế.

[2.4] Phân chia di sản thừa kế:

* *Thửa đất số 349*: Diện tích 362,1m² x 15.000.000đ/m² = 5.431.500.000đ. Mỗi tHnh viên trong hộ được 1/8 giá trị thửa đất là 678.937.500đ.

- Di sản của ông T: Chị H và anh N mỗi người được trích chia 10% giá trị di sản là: 67.893.750đ. Di sản của ông T còn lại là: 678.937.500đ - (67.893.750đ x 2) = 543.150.000đ.

Ông T chết năm 2003, Hng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ Hoa, cụ Q, bà H, chị H, anh Q, anh N và chị P (= 7 suất), nên mỗi người được: 543.150.000đ/7 = 77.592.857đ.

- Di sản của cụ Hoa là: 678.937.500đ (1/8 thửa đất) + 77.592.857đ (kỷ phần thừa kế của ông T) = 756.530.357đ.

Chị H và anh N mỗi người được trích chia 10% giá trị di sản là: 75.653.035đ. Di sản của cụ Hoa còn lại là: 756.530.357đ - (75.653.035đ x 2) = 605.224.287đ.

Cụ Hoa chết năm 2009, Hng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ Q, bà C, ông L, bà H, bà L và thừa kế thế vị của ông T (là chị H, anh Q, anh N và chị P), nên mỗi người được: 605.224.287đ/6 = 100.870.714đ.

Chị H, anh Q, anh N và chị P, mỗi người được: 100.870.714đ/4 = 25.217.678đ.

- Di sản của cụ Q là: 678.937.500đ (1/8 thửa đất) + 77.592.857đ (kỷ phần thừa kế của ông T) + 100.870.714đ (kỷ phần thừa kế của cụ Hoa) = 857.401.071đ.

Chị H và anh N mỗi người được trích chia 10% giá trị di sản là: 85.740.107đ. Di sản của cụ Q còn lại là: 857.401.071đ - (85.740.107đ x 2) = 685.920.857đ.

Cụ Q chết năm 2018, Hng thừa kế thứ nhất gồm: Bà C, ông L, bà H, bà L và thừa kế thế vị của ông T (là chị H, anh Q, anh N và chị P), nên mỗi người được: $685.920.857đ/5 = 137.184.171đ$.

Chị H, anh Q, anh N và chị P, mỗi người được: $137.184.171đ/4 = 34.296.042đ$.

Theo đó, các thừa kế được nhận tổng giá trị tài sản và di sản như sau:

Bà H: $678.937.500đ$ (1/8 thừa đất) + $77.592.857đ$ (kỷ phần thừa kế của ông T) = $756.530.357đ$.

Chị H, anh N mỗi người được: $678.937.500đ$ (1/8 thừa đất) + $77.592.857đ$ (kỷ phần thừa kế của ông T) + $25.217.678đ$ + $34.296.042đ$ (phần di sản của cụ Hoa, cụ Q) + $67.893.750đ$ + $75.653.035đ$ + $85.740.107đ$ (trích chia công sức) = $1.045.330.969đ$.

Anh Q, chị P mỗi người được: $678.937.500đ$ (1/8 thừa đất) + $77.592.857đ$ (kỷ phần thừa kế của ông T) + $25.217.678đ$ + $34.296.042đ$ (phần di sản của cụ Hoa, cụ Q) = $816.044.077đ$.

Bà C, ông L, bà H, bà L, mỗi người được: $100.870.714đ$ + $137.184.171đ$ (phần di sản của cụ Hoa, cụ Q) = $238.054.885đ$.

* *Thửa đất số 121*: Diện tích $368,5m^2 \times 6.000.000đ/m^2 = 2.211.000.000đ$. Mỗi tHnh viên trong hộ được 1/8 giá trị thửa đất là $276.375.000đ$.

- Di sản của ông T: Bà H được trích chia công sức bằng 20% giá trị di sản là $55.275.000đ$, anh Q được trích chia 10% là $27.637.500đ$. Di sản của ông T còn lại là: $276.375.000đ - (55.275.000đ + 27.637.500đ) = 193.462.500đ$.

Ông T chết năm 2003, Hng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ Hoa, cụ Q, bà H, chị H, anh Q, anh N và chị P (= 7 suất), nên mỗi người được: $193.462.500đ/7 = 27.637.500đ$.

- Di sản của cụ Hoa là: $276.375.000đ$ (1/8 thửa đất) + $27.637.500đ$ (kỷ phần thừa kế của ông T) = $304.012.500đ$.

Bà H được trích chia công sức 20% giá trị di sản là $60.802.500đ$, anh Q được chia 10% công sức là $30.401.250đ$. Di sản của cụ Hoa còn lại là: $276.375.000đ - (60.802.500đ + 30.401.250đ) = 212.808.750đ$.

Cụ Hoa chết năm 2009, Hng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ Q, bà C, ông L, bà H, bà L và thừa kế thế vị của ông T (là chị H, anh Q, anh N và chị P), nên mỗi người được: $212.808.750đ/6 = 35.468.125đ$.

Chị H, anh Q, anh N và chị P, mỗi người được: $35.468.125đ/4 = 8.867.031đ$.

- Di sản của cụ Q là: 276.375.000đ (1/8 thừa đất) + 27.637.500đ (kỷ phần thừa kế của ông T) + 35.468.125đ (kỷ phần thừa kế của cụ Hoa) = 339.480.625đ.

Bà H được trích chia công sức 20% giá trị di sản là 67.896.125đ, anh Q được chia 10% công sức là 33.948.062đ. Di sản của cụ Q còn lại là: 339.480.625đ - (67.896.125đ + 33.948.062đ) = 237.636.439đ.

Cụ Q chết năm 2018, Hng thừa kế thứ nhất gồm: Bà C, ông L, bà H, bà L và thừa kế thế vị của ông T (là chị H, anh Q, anh N và chị P), nên mỗi người được: $237.636.439đ/5 = 47.527.287đ$.

Chị H, anh Q, anh N và chị P, mỗi người được: $47.527.287đ/4 = 11.881.821đ$.

Theo đó, các thừa kế được nhận tổng giá trị tài sản và di sản như sau:

Bà H được: 276.375.000đ (1/8 thừa đất) + 27.637.500đ (kỷ phần thừa kế của ông T) + 55.275.000đ + 60.802.500đ + 67.896.125đ (trích chia công sức) = 487.986.125đ.

Anh Q được: 276.375.000đ (1/8 thừa đất) + 27.637.500đ (kỷ phần thừa kế của ông T) + 8.867.031đ + 11.881.821đ (phần di sản của cụ Hoa, cụ Q) + 27.637.500đ + 30.401.250đ + 33.948.062đ (trích chia công sức) = 416.748.164đ.

Chị H, anh N, chị P mỗi người được: 276.375.000đ (1/8 thừa đất) + 27.637.500đ (kỷ phần thừa kế của ông T) + 8.867.031đ + 11.881.821đ (phần di sản của cụ Hoa, cụ Q) = 324.761.352đ.

Bà C, ông L, bà H, bà L, mỗi người được: 35.468.125đ + 47.527.287đ (phần di sản của cụ Hoa, cụ Q) = 82.995.412đ.

*** Tổng giá trị tài sản các thừa kế được hưởng là:**

Bà H: 756.530.357đ + 487.986.125đ = 1.244.516.482đ (làm tròn là 1.244.516.000đ).

Anh Q: 816.044.077đ + 416.748.164đ = 1.232.792.241đ (làm tròn là 1.232.792.000đ).

Chị H, anh N mỗi người được: 1.045.330.969đ + 324.761.352đ = 1.370.092.321đ (làm tròn là 1.370.092.000đ).

Chị P: 816.044.077đ + 324.761.352đ = 1.140.805.429đ (làm tròn là 1.140.805.000đ).

Bà C, ông L, bà H, bà L, mỗi người được: 238.054.885đ + 82.995.412đ = 321.050.297đ (làm tròn là 321.050.000đ). Do bà C, ông L, bà H, bà L đều đồng ý cho anh Q phần tài sản được thừa kế nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

[2.5] Về giao QSDĐ:

Xét nhu cầu sử dụng đất và quá trình quản lý, sử dụng đất thấy cần giao như sau: Giao cho anh Q được sử dụng toàn bộ thửa đất số 121 cùng tài sản trên đất. Giao cho chị H tiếp tục sử dụng phần diện tích đất là $104,8m^2$ của thửa số 349 cùng toàn bộ tài sản trên phần đất. Giao cho anh N sử dụng phần diện tích đất là $103,1m^2$ của thửa số 349 cùng tài sản trên đất. Giao cho bà H được sử dụng phần diện tích đất là $157,9m^2$ của thửa số 349 cùng tài sản trên đất.

Anh Q có nghĩa vụ trích trả ông L là 15.057.000đ.

Bà H có nghĩa vụ trích trả cho ông L là 305.993.000đ; trích trả chị P là 762.491.000đ.

Chị H có nghĩa vụ trích trả cho chị P là 201.907.000đ.

Anh N có nghĩa vụ trích trả cho chị P là 176.407.000đ.

[2.6] Về tài sản trên đất: Do các đương sự không đề N giải quyết nên bản án sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[3.] Án phí: Do sửa án sơ thẩm nên anh Vương Huy Q và ông Vũ Văn X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của anh Vương Huy Q, ông Vũ Văn X; Sửa một phần bản án sơ thẩm số 28/2023/DSST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành.

Căn cứ các Điều 212, 213, 609, 611, 612, 613, 623, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 235, 264, 266, 147, 157 và 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; N quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vương Huy Q và yêu cầu phản tố của chị Vương Thị H.

- Xác định thửa đất số 121, tờ bản đồ 01, diện tích $368,5m^2$ và thửa đất số 349, tờ bản đồ 01, diện tích $362,1m^2$ tại khu phố Đường, phường An Bình, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của cụ Vương Huy Hoa, cụ Nguyễn Thị Q, ông Vương Huy T, bà Nguyễn Thị H, chị Vương Thị H, anh Vương Huy Q, anh Vương Huy N và chị Vương Thị P.

- Xác định di sản thừa kế của: Ông Vương Huy T là $(543.150.000đ + 193.462.000đ) = 736.612.000đ$, cụ Vương Thị Hoa là $(605.224.000đ +$

212.808.000đ) = 818.032.000đ, cụ Nguyễn Thị Q là (685.920.000đ + 237.636.000đ) = 923.556.000đ (đều đã làm tròn số).

2. Giao cho anh Vương Huy Q được sử dụng toàn bộ thửa đất số 121, tờ bản đồ 01, diện tích 368,5m² tại khu phố Đường, phường An Bình, thị xã Thuận THnh, tỉnh Bắc Ninh cùng tài sản trên đất. Anh Vương Huy Q trích trả cho ông Vương Huy L là 15.057.000đ (*Mười lăm triệu không trăm năm bảy nghìn đồng*).

- Giao cho chị H tiếp tục sử dụng phần diện tích đất là 104,8m² của thửa số 349, tờ bản đồ 01, diện tích 362,1m² tại khu phố Đường, phường An Bình, thị xã Thuận THnh, tỉnh Bắc Ninh cùng tài sản trên phần đất. Chị Vương Thị H trích trả cho chị Vương Thị P là 201.907.000đ (*Hai trăm L một triệu chín trăm L bảy nghìn đồng*).

- Giao cho anh Vương Huy N sử dụng phần diện tích đất là 103,1m² của thửa số 349, tờ bản đồ 01, diện tích 362,1m² tại khu phố Đường, phường An Bình, thị xã Thuận THnh, tỉnh Bắc Ninh cùng tài sản trên phần đất. Anh Vương Huy N trích trả cho chị Vương Thị P là 176.407.000đ (*Một trăm bảy sáu triệu bốn trăm L bảy nghìn đồng*).

- Giao cho bà Nguyễn Thị H được sử dụng phần diện tích đất là 157,9m² của thửa số 349, tờ bản đồ 01, diện tích 362,1m² tại khu phố Đường, phường An Bình, thị xã Thuận THnh, tỉnh Bắc Ninh cùng tài sản trên phần đất. Bà Nguyễn Thị H trích trả ông Vương Huy L là 305.993.000đ; trích trả chị Vương Thị P là 762.491.000đ (*Bảy trăm sáu hai triệu bốn trăm chín một nghìn đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi Hnh án có đơn yêu cầu thi Hnh án cho đến khi thi Hnh án xong, Hng tháng người phải thi Hnh án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi Hnh án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại điều 2, Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi Hnh án dân sự.

3. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Anh Vương Huy Q, chị Vương Thị H mỗi người phải chịu 8.150.000đ chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. (Xác nhận anh Q, chị H đã nộp đủ).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị H, bà Vương Thị C, ông Vương Huy L, bà Vương Thị H do là người cao tuổi.

- Anh Vương Huy Q phải chịu 58.615.000đ án phí. Xác nhận anh Q đã nộp 18.000.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 0005754, ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự thị xã Thuận THnh.

- Anh Vương Huy N và chị Vương Thị H mỗi người phải chịu 53.100.000đ án phí. Xác nhận chị H đã nộp 18.000.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 0005875, ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi Hành án dân sự thị xã Thuận THnh.

- Chị Vương Thị P phải chịu 46.200.000đ án phí.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Vương Huy Q, ông Vũ Văn X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Vương Huy Q, ông Vũ Văn X mỗi người 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 0006131 ngày 02/10/2023 và số 0006213 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi Hành án dân sự thị xã Thuận THnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND TX Thuận THnh;
- Chi cục THADS Thuận THnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuyết Mai